

Số: 05/2019/QĐST-DS

Hà Đông, ngày 09 tháng 7 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 28 tháng 06 năm 2019 về việc các đương sự thoả thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 01/2019/TLST-DS ngày 02 tháng 01 năm 2019 về việc Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

XÉT THẤY

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện, nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng V. Trụ sở: LH, LH, Đ Đ, HN. Người đại diện theo pháp luật: Ông NCH - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo uỷ quyền: anh ĐVP - Chuyên viên xử lý nợ Ngân hàng V (theo Văn bản uỷ quyền số 1925/2018/UQ-VPB ngày 22 tháng 08 năm 2018).

- **Bị đơn:**

1. Anh NMH, sinh năm 1980;

2. Chị LTT, sinh năm 1990;

Đều trú tại: TDP, CB, ĐM, HĐ, HN.

3. Chị NTM, sinh năm 1978;

4. Anh NĐT, sinh năm 1972 .

Đều trú tại: TDP PB, BG, HĐ, HN.

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà PTN, sinh năm 1950;

2. Cháu NDH, sinh năm 2005 (con anh H);

3. Cháu NTHH, sinh năm 2008 (con anh H);
4. Cháu NMH, sinh năm 2016 (con anh H);
5. Cháu NDH, sinh năm 2018 (con anh H)

Đều trú tại: TDP, CB, ĐM, HĐ, HN. Đại diện theo pháp luật cho cháu NDH, NTHH, NMH, NDH là anh NMH - bố đẻ các cháu.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Ngân hàng V và bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan thống nhất thoả thuận: anh NMH, chị LTT, chị NTM và anh NĐT thanh toán cho Ngân hàng V tính đến ngày 13.06.2019 số tiền là:

- Đối với khoản nợ của anh NMH và chị LTT:

+ Với khoản vay tín dụng theo hợp đồng tín dụng số 5402301 ngày 31.12.2015: tiền nợ gốc là 763.937.377 đồng (bảy trăm sáu mươi ba triệu, chín trăm ba mươi bảy nghìn, ba trăm bảy mươi bảy đồng), lãi phải trả: 343.279.903 đồng (ba trăm bốn mươi ba triệu, hai trăm bảy mươi chín nghìn, chín trăm linh ba đồng), hoàn tiền ưu đãi: 32.000.000 đồng (ba mươi hai triệu). Tổng là 1.139.217.280 đồng (một tỷ một trăm ba mươi chín triệu hai trăm mười bảy nghìn hai trăm tám mươi đồng).

+ Đối với khoản nợ thẻ tín dụng tại Giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 16.12.2015: tiền nợ gốc phải trả là 18.195.799 đồng (mười tám triệu, một trăm chín mươi lăm nghìn, bảy trăm chín mươi chín đồng), lãi phải trả: 37.107.144 đồng (ba mươi bảy triệu, một trăm linh bảy nghìn một trăm bốn mươi bốn đồng). Tổng là 55.302.944 đồng (năm mươi lăm triệu, ba trăm linh hai nghìn chín trăm bốn mươi bốn đồng).

Tổng hai khoản nợ là: **1.194.520.224 đồng (một tỷ, một trăm chín mươi tư triệu, năm trăm hai mươi nghìn, hai trăm hai mươi tư đồng).**

- Đối với khoản nợ của chị NTM và anh NĐT theo hợp đồng tín dụng số 5689961 ngày 15.01.2016: tiền nợ gốc là 641.660.000 đồng (sáu trăm bốn mươi một triệu, sáu trăm sáu mươi nghìn), lãi phải trả là 288.007.940 đồng (hai trăm tám mươi tám triệu, bảy nghìn chín trăm bốn mươi đồng).

Tổng là **929.667.940 đồng (chín trăm hai mươi chín triệu, sáu trăm sáu mươi bảy nghìn, chín trăm bốn mươi đồng).**

* Lộ trình trả nợ cụ thể như sau: Đối với tất cả các khoản nợ trên, chậm nhất đến hết ngày 31.10.2019, anh NMH, chị LTT, chị NTM, anh NĐT phải tất toán toàn bộ nợ gốc và nợ lãi như trên cho Ngân hàng V.

* Kể từ ngày 14.06.2019:

- Anh NMH, chị LTT tiếp tục phải chịu khoản tiền lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 5402301 ngày 31.12.2015 và Giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 16.12.2015.

- Chị NTM, anh NĐT tiếp tục phải chịu khoản tiền lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 5689961 ngày 15.01.2016 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản vay.

Trong trường hợp anh NMH, chị LTT, chị NTM, anh NĐT vi phạm nghĩa vụ trả nợ như trên thì ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mãi tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 211B tờ bản đồ 01, diện tích 144,5m², địa chỉ: Tổ dân phố số 1, Cổ Bản, phường Đồng Mai, quận Hà Đông, Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 736268, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH-00862 do UBND quận Hà Đông, thành phố Hà Nội cấp ngày 28.04.2011, đứng tên anh NMH.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của anh NMH, chị LTT, chị NTM, anh NĐT đối với Ngân hàng. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì anh NMH, chị LTT, chị NTM, anh NĐT vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng.

* Về án phí:

- Anh NMH, chị LTT phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 23.917.803 đồng (hai mươi ba triệu chín trăm mười bảy nghìn tám trăm linh ba đồng).

- Chị NTM, anh NĐT phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 19.945.019 đồng (mười chín triệu chín trăm bốn mươi lăm nghìn không trăm mười chín đồng).

- Hoàn trả Ngân hàng V số tiền 29.550.000 đồng (hai mươi chín triệu, năm trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0002194 ngày 24/12/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận Hà Đông;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Trần Thị Diệp Linh